

Phụ lục 01: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2025			Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021-2024		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước		Tổng số		Trong đó: Thu hồi ứng trước
	TỔNG SỐ		4.940.727	3.198.130	3.157.700	-	2.335.603	-	862.526	862.526	-	
I	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP		90.000	72.700	72.700	-	-	-	72.700	72.700	-	
a	Danh mục dự án khởi công mới năm 2025											
1	Đầu tư xây dựng Trường nghề chất lượng cao, Trường Cao đẳng nghề Việt - Đức Hà Tĩnh	254/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	90.000	72.700	72.700		-		72.700	72.700		Dự án dự kiến hoàn thành thủ tục đầu tư trước ngày 31/12/2024
II	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		60.000	55.000	55.000	-	51.708	-	3.292	3.292	-	
a	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025											
1	Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Tĩnh (giai đoạn 2)	572; 14/3/2022	60.000	55.000	55.000		51.708		3.292	3.292		
III	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN		854.258	630.000	630.000	-	329.851	-	300.149	300.149	-	
a	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025											

TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2025			Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021-2024		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	<i>Trong đó: Thu hồi ứng trước</i>	Tổng số	<i>Trong đó: Thu hồi ứng trước</i>		Tổng số		<i>Trong đó: Thu hồi ứng trước</i>
1	Dự án âu tránh trú bão cho tàu cá Cửa Khẩu, thị xã Kỳ Anh, Giai đoạn 2	2748; 30/12/2022	120.000	70.000	70.000		69.851		149	149		
2	Hệ thống tiêu thoát lũ, chống ngập úng khu vực Trung tâm hành chính huyện Kỳ Anh và vùng phụ cận	3042, 21/11/2023	484.258	360.000	360.000		156.000		204.000	204.000		
3	Dự án Hệ thống tiêu úng các xã trọng điểm sản xuất nông nghiệp huyện Đức Thọ, huyện Can Lộc và Thị xã Hồng Lĩnh	3545, 31/12/2023	250.000	200.000	200.000		104.000		96.000	96.000		
IV	KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ		615.520	430.000	430.000	-	413.802	-	16.197	16.197	-	
a	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025											
1	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Bắc Cẩm Xuyên	2809; 05/8/2021	80.000	65.000	65.000		58.491		6.509	6.509		
2	Dự án Đường vành đai phía Nam Khu kinh tế Vũng Áng	756; 12/4/2022	450.520	295.000	295.000		292.811		2.188	2.188		
3	Dự án Đường nối Quốc lộ 8A - Cụm Công nghiệp Thái Yên - Quốc lộ 15A, huyện Đức Thọ	952; 09/5/2022	85.000	70.000	70.000		62.500		7.500	7.500		
V	GIAO THÔNG		1.744.994	920.430	880.000	-	816.294	-	104.136	104.136	-	
a	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025											

TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2025			Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021-2024		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước		Tổng số		Trong đó: Thu hồi ứng trước
1	Đường vành đai phía Đông, thành phố Hà Tĩnh	192, 30/9/2024; 956; 09/5/2022	1.189.000	490.430	450.000		450.000		40.430	40.430		Dự án đang đề xuất điều chỉnh bổ sung kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cẩm Thạch - Thạch Hội, huyện Cẩm Xuyên	344; 07/02/2022	124.994	100.000	100.000		91.700		8.300	8.300		
3	Đường giao thông nối từ đường Hồ Chí Minh vào khu vực biên giới xã Hòa Hải, huyện Hương Khê	903; 04/5/2022	185.000	140.000	140.000		135.000		5.000	5.000		
4	Dự án Đường từ Thị trấn Đức Thọ đến khu lưu niệm Trần Phú, huyện Đức Thọ	684; 31/3/2022	82.000	70.000	70.000		68.500		1.500	1.500		
5	Đường trục ngang ven biển huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	731; 07/4/2022	164.000	120.000	120.000		71.094		48.906	48.906		
VI	DU LỊCH		138.550	90.000	90.000	-	88.948	-	1.052	1.052	-	
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024											
1	Hạ tầng khu du lịch biển Xuân Thành, huyện Nghi Xuân	827; 21/4/2022	138.550	90.000	90.000		88.948		1.052	1.052		
VII	DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM, DỰ ÁN CÓ TÍNH LIÊN KẾT VÙNG, ĐƯỜNG VEN BIỂN		1.437.405	1.000.000	1.000.000	-	635.000	-	365.000	365.000	-	
a	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025											

TT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2025			Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021-2024		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	<i>Trong đó: Thu hồi ứng trước</i>	Tổng số	<i>Trong đó: Thu hồi ứng trước</i>		Tổng số		<i>Trong đó: Thu hồi ứng trước</i>
1	Đường trục chính trung tâm nối Quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm Cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương, tỉnh Hà Tĩnh	755; 12/4/2022	1.437.405	1.000.000	1.000.000		635.000		365.000	365.000		

Phụ lục 02: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú		
		Số quyết định	TMĐT		Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: Đã giao các năm 2021-2024			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)			
				Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vốn đối ứng nguồn NSTW				Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số	Trong đó: Viện trợ không hoàn lại
	TỔNG SỐ		4.258.244	1.033.355	3.224.890	2.224.307	155.000	2.069.307	1.518.015	110.000	1.408.015	775.253	26.041	749.212	20.850		
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC		4.258.244	1.033.355	3.224.890	2.224.307	155.000	2.069.307	1.518.015	110.000	1.408.015	775.253	26.041	749.212	20.850		
I	ĐÔ THỊ		2.810.182	600.531	2.209.652	1.586.615	-	1.586.615	992.999	-	992.999	593.617	-	593.617	20.850		
<i>1</i>	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025</i>																
(1)	Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiêu dự án đô thị Kỳ Anh (vay vốn WB)	2791, 26/8/2020; 180, 16/01/2024	1.249.030	292.985	956.045	573.624	-	573.624	405.727	-	405.727	167.897		167.897			
(2)	Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ.	2455/QĐ-UBND ngày 03/8/2020	851.897	178.047	673.850	544.133		544.133	334.827	-	334.827	209.306		209.306	10.437		
(3)	Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ.	2749/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	709.255	129.499	579.757	468.858		468.858	252.445	-	252.445	216.413		216.413	10.413		
II	GIAO THÔNG		1.448.062	432.824	1.015.238	637.692	155.000	482.692	525.016	110.000	415.016	181.636	26.041	155.595	-		
<i>1</i>	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025</i>								-	-	-						

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú	
		Số quyết định	TMĐT			Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: Đã giao các năm 2021-2024			Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		
				Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)				Tổng số		Trong đó: Viện trợ không hoàn lại
(1)	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh thuộc Dự án BIIG2	613/QĐ-TTg, 08/5/2017; 562/QĐ-TTg, 18/5/2018; 141/NQ-HĐND, 08/12/2023; 1611, 02/7/2014	1.448.062	432.824	1.015.238	637.692	155.000	482.692	525.016	110.000	415.016	181.636	26.041	155.595	-	Dự án đang đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn vốn nước ngoài giai đoạn 2021-2025	

Phụ lục 03: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2025 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2021-2024		Tổng số (ngân sách trung ương, tỉnh)	Trong đó: NSTW			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư		Tổng số	Trong đó:		
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Chuẩn bị đầu tư	
TỔNG SỐ			639.357	481.822	857.416	19.715	638.241	19.715	211.725	211.725	-	-	
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		607.545	469.815	810.857	19.062	607.575	19.062	203.282	203.282	-	-	
a	Đầu tư công trình nước sạch		398.929	304.700	304.700	19.062	153.518	19.062	151.182	151.182			
1	Dự án hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Hương Lâm	813/QĐ-UBND ngày 03/4/2024	14.800	11.100	11.100	1.000	8.100	1.000	3.000	3.000			
2	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước sinh hoạt Đá Hàn, huyện Hương Khê (giai đoạn 1)	1355/QĐ-UBND ngày 30/5/2024	68.649	51.500	51.500	2.000	22.000	2.000	29.500	29.500			
3	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước sinh hoạt vùng Trà Sơn huyện Can Lộc (giai đoạn 2)	814/QĐ-UBND ngày 03/4/2024	31.650	23.750	23.750	2.500	14.750	2.500	9.000	9.000			
4	Dự án mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt Khe Xai, huyện Thạch Hà (giai đoạn 2)	716/QĐ-UBND ngày 25/3/2024	32.000	24.000	24.000	2.500	14.386	2.500	9.614	9.614			
5	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước sinh hoạt Khe Sung, huyện Kỳ Anh	811/QĐ-UBND ngày 03/4/2024	40.000	30.000	30.000	1.500	17.500	1.500	12.500	12.500			
6	Dự án Hệ thống cấp nước sinh hoạt Khe Cò, huyện Hương Sơn (giai đoạn 1)	1791/QĐ-UBND ngày 22/7/2024	62.950	47.200	47.200	3.195	21.000	3.195	26.200	26.200			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2021-2024		Tổng số (ngân sách trung ương, tỉnh)	Trong đó: NSTW			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư		Tổng số	Trong đó:		
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Chuẩn bị đầu tư	
TỔNG SỐ			639.357	481.822	857.416	19.715	638.241	19.715	211.725	211.725	-	-	
7	Dự án Hệ thống cấp nước sinh hoạt Ngân Trươi, huyện Vũ Quang (GD 1)		62.960	49.160	49.160	2.000	17.482	2.000	31.678	31.678			Dự án dự kiến hoàn thành thủ tục đầu tư trước ngày 31/12/2024
8	Dự án Hệ thống cấp nước sinh hoạt Đức Đồng và vùng phụ cận, huyện Đức Thọ		52.290	37.290	37.290	2.759	17.800	2.759	19.490	19.490			Dự án dự kiến hoàn thành thủ tục đầu tư trước ngày 31/12/2024
9	Dự án Sửa chữa, nâng cấp hệ thống mạng lưới công trình cấp nước Bắc Cẩm Xuyên cấp cho xã Cẩm Vịnh	2476/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	10.630	10.000	10.000	587	6.500	587	3.500	3.500			
10	Dự án Nâng cấp mở rộng công trình cấp nước Thiên Lộc cấp cho xã Vương Lộc (Giai đoạn 3)		14.500	13.000	13.000	570	9.000	570	4.000	4.000			Dự án dự kiến hoàn thành thủ tục đầu tư trước ngày 31/12/2024
11	Dự án Sửa chữa, nâng cấp mở rộng công trình cấp nước xã Thạch Bằng (cấp nước cho xã Bình An và Tân Lộc)		8.500	7.700	7.700	451	5.000	451	2.700	2.700			Dự án dự kiến hoàn thành thủ tục đầu tư trước ngày 31/12/2024
b	Phân cho các xã theo hệ số (173 xã)				341.042		305.454		35.588	35.588			
c	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn (vốn nước ngoài)		208.616	165.115	165.115		148.603		16.512	16.512			
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững		31.812	12.007	12.007	653	9.089	653	2.918	2.918	-	-	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2021-2024		Tổng số (ngân sách trung ương, tỉnh)	Trong đó: NSTW			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư		Tổng số	Trong đó:		
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Chuẩn bị đầu tư	
	TỔNG SỐ		639.357	481.822	857.416	19.715	638.241	19.715	211.725	211.725	-	-	
I	Dự án đầu tư xây dựng Sàn giao dịch việc làm tại Thành phố Hà Tĩnh	2539/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	31.812	12.007	12.007	653	9.089	653	2.918	2.918			
III	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				34.552		21.577		5.525	5.525			

Phụ lục 04: ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2025 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021-2025		Đề xuất điều chỉnh, bổ sung KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch năm 2025	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó, số đã giao kế hoạch năm giai đoạn 2021-2024	Giảm (-)	Tăng (+)		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP						
	TỔNG SỐ				7.214.143	6.314.143	128.300	1.228.300	2.000.000	
A	Phân huyện, xã hưởng				6.129.385	5.486.841		991.556	1.634.100	
B	Phân tỉnh hưởng				1.084.758	827.302	128.300	236.744	365.900	
I	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ phát triển đất				100.000	100.000		50.000	50.000	
II	Dự kiến hoàn trả chi phí đầu tư theo đề án phát triển quỹ đất				256.500	117.700	122.300		16.500	
III	Thực hiện hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất				127.062	134.955		44.483	36.590	
IV	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới				225.000	225.000		50.000	50.000	
1	Huyện Hương Khê							10.000	10.000	Hỗ trợ huyện chưa đạt chuẩn NTM
2	Huyện Thạch Hà							10.000	10.000	Hỗ trợ huyện đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao
3	Huyện Can Lộc							10.000	10.000	Hỗ trợ huyện đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao
4	Huyện Đức Thọ							10.000	10.000	Hỗ trợ huyện đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao
5	Huyện Nghi Xuân							10.000	10.000	Hỗ trợ huyện đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao
V	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi							3.500	3.500	Bổ sung vốn đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng NSTW hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg
VI	Đối ứng kinh phí thực hiện các Đề án đầu tư phát triển		103.460	103.460	5.196	-	-	-	5.196	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021-2025		Đề xuất điều chỉnh, bổ sung KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch năm 2025	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó, số đã giao kế hoạch năm giai đoạn 2021-2024	Giảm (-)	Tăng (+)		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP						
1	Trụ sở làm việc Công an các xã, thị trấn tại các huyện Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Lộc Hà, Can Lộc, Nghi Xuân, Hương Sơn, Hương Khê	192/NQ-HĐND; 30/9/2024	103.460	103.460	5.196	-			5.196	
VII	Các dự án quan trọng, cấp bách của địa phương		2.068.984	1.578.554	371.000	249.647	6.000	-	115.353	
1	Xây dựng đường Hàm Nghi kéo dài	3499, 22/10/2021; 2051, 30/8/2023	574.984	574.984	129.549	100.000			29.549	
2	Đầu tư xây dựng Bảo tàng Hà Tĩnh	119/NQ-HĐND, 14/7/2023	305.000	305.000	75.451	12.451			63.000	
3	Đường vành đai phía Đông, thành phố Hà Tĩnh	192, 30/9/2024; 956, 09/5/2022	1.189.000	698.570	160.000	137.196			22.804	
4	Tăng cường cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi chất lượng cao (Vốn chuẩn bị đầu tư)				1.000	-	1.000			
5	Dự án mở rộng Bệnh viện Đa khoa tỉnh				5.000	-	5.000			
VIII	Bổ trí thu hồi vốn ứng trước ngân sách địa phương					-		88.761	88.761	(Chi tiết tại Phụ lục 10)

TT	Danh mục dự án	Mã QHNS	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao				Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2025	Ghi chú
			Số quyết định	TMĐT			Tổng số	<i>Trong đó, đã bố trí kế hoạch năm giai đoạn 2021-2024</i>		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
					Vốn đối ứng					
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh						
1	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025</i>							-		
(1)	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn, tỉnh Hà Tĩnh	8028364	1395, 06/6/2024	153.174	29.661	29.661	13.612	9.500	4.112	

Phụ lục 06: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối NSDP giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách XD CB tập trung			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó, số đã giao kế hoạch năm giai đoạn 2021-2024		
	TỔNG SỐ		4.418.999	2.603.411	2.646.459	2.446.910	1.535.863	642.020	
A	VỐN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN				1.344.080	1.344.080	972.264	261.932	
1	Kỳ Anh				127.291	127.291	92.079	24.806	
2	Cẩm Xuyên				101.460	101.460	73.395	19.772	
3	Thạch Hà				90.551	90.551	65.501	17.646	
4	Can Lộc				95.175	95.175	68.847	18.548	
5	Lộc Hà				82.125	82.125	59.407	16.005	
6	Nghi Xuân				110.956	110.956	80.261	21.623	
7	Đức Thọ				90.502	90.502	65.467	17.637	
8	Hương Sơn				120.173	120.173	86.929	23.419	
9	Vũ Quang				91.744	91.744	66.364	17.879	
10	Hương Khê				138.606	138.606	100.262	27.011	
11	Thành phố Hà Tĩnh				85.459	85.459	61.818	16.654	
12	Thị xã Kỳ Anh				112.362	112.362	81.279	21.897	
13	Thị xã Hồng Lĩnh				97.676	97.676	70.655	19.035	
B	VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ		4.418.999	2.603.411	1.302.379	1.102.830	563.599	380.088	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối NSDP giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách XDCB tập trung			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó, số đã giao kế hoạch năm giai đoạn 2021-2024		
B.1	VỐN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ VÀ NHIỆM VỤ QUY HOẠCH CẤP TỈNH		12.000	12.000	9.125	9.125	-	6.000	
1	Khảo sát, lập điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hà Tĩnh và vùng phụ cận đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2060	92/NQ-HĐND; 11/11/2022	12.000	12.000	9.125	9.125	-	6.000	
B.2	DỰ ÁN THUỘC CÁC NGÀNH, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH		3.455.999	1.708.411	593.654	464.105	157.881	215.588	
I	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		150.000	150.000	85.000	85.000	15.000	48.000	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>						-		
1	Nâng cấp, cải tạo Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Xuyên	3116, 21/11/2023	150.000	150.000	85.000	85.000	15.000	48.000	
II	GIAO THÔNG		3.088.590	1.478.651	438.254	308.705	123.881	130.588	
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành trước 31/12/2024</i>						-		
1	Nâng cấp tuyến đường ven biển Xuân Hội - Thạch Khê - Vũng Áng	1758, 26/6/2017; 606, 20/02/2020; 259, 26/01/2022	1.495.780	645.841	16.571	16.571	13.981	2.590	Đề xuất kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2025 để thanh toán KLHT sau quyết toán
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>						-		
1	Xây dựng đường Hàm Nghi kéo dài	254, 08/12/2020; 3499, 22/10/2021; 2051, 30/8/2023	574.984	574.984	368.783	239.234	107.000	90.998	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối NSDP giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách XDCB tập trung			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó, số đã giao kế hoạch năm giai đoạn 2021-2024		
2	Đường từ Quốc lộ 12C đi Khu liên hợp gang thép Formosa, tỉnh Hà Tĩnh	2391, 23/11/2022	668.826	168.826	11.000	11.000	1.000	10.000	
3	Đường trục ngang ven biển huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	731, 07/4/2022	164.000	44.000	10.700	10.700	700	7.000	
4	Đường giao thông nối từ đường Hồ Chí Minh vào khu vực biên giới xã Hòa Hải, huyện Hương Khê	903, 04/5/2022	185.000	45.000	31.200	31.200	1.200	20.000	
III	KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ		137.649	-	20.000	20.000	19.000	1.000	
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành trước 31/12/2024</i>						-		
1	Hạ tầng kỹ thuật khu vực công A, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, huyện Hương Sơn	3204, 31/10/2017; 2970, 23/8/2021	137.649	-	20.000	20.000	19.000	1.000	Đề xuất kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2025 để thanh toán KLHT sau quyết toán
IV	DU LỊCH		79.760	79.760	50.400	50.400	-	36.000	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>						-		
1	Quảng trường biển Cửa Sót Lộc Hà	1270, 22/5/2024	79.760	79.760	50.400	50.400	-	36.000	
B.3	HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG, CẤP BÁCH, PHỤC VỤ CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG		864.000	883.000	699.600	629.600	405.718	158.500	
I	Dự án hoàn thành trước 31/12/2024		766.000	55.000	78.500	78.500	74.000	4.500	
1	Đường huyện lộ ĐH56 đoạn qua xã Hòa Lạc, huyện Đức Thọ	955; 09/5/2022	87.000	55.000	78.500	78.500	74.000	4.500	
II	Dự án chuyển tiếp		864.000	828.000	621.100	551.100	331.718	154.000	

STT	Dan h mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối NSĐP giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách XDCB tập trung			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó, số đã giao kế hoạch năm giai đoạn 2021-2024		
2	Đường Xuân Diệu kéo dài đoạn từ đường bao khu đô thị Bắc đến đường Ngô Quyền, thành phố Hà Tĩnh	1809; 31/8/2022	234.000	234.000	200.000	130.000	101.520	20.000	
3	Đường giao thông bảo vệ an ninh biên giới, kết hợp bảo vệ phát triển thác Vũ Môn và phát triển vùng, huyện Hương Khê (giai đoạn 1)	2760/QĐ-UBND; 31/12/2022	100.000	100.000	75.000	75.000	37.500	25.500	
4	Đường trục dọc Khu đô thị trung tâm thị xã Kỳ Anh	2762/QĐ-UBND; 31/12/2022	125.000	125.000	90.000	90.000	45.500	30.500	
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH36 (Chợ Đình - Quán Trại), huyện Can Lộc	2763/QĐ-UBND; 31/12/2022	100.000	100.000	60.000	60.000	37.500	16.000	
6	Cầu Hóp Chuối, thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang	2764/QĐ-UBND; 31/12/2022	120.000	84.000	76.000	76.000	36.500	28.000	
7	Trung tâm văn hóa truyền thông huyện Kỳ Anh	2753/QĐ-UBND; 30/12/2022	75.000	75.000	45.100	45.100	30.500	11.000	
8	Đường giao thông Huyện lộ ĐH.116, đoạn Mai Phụ - Ích Hậu, huyện Lộc Hà	762/QĐ-UBND; 04/4/2023	110.000	110.000	75.000	75.000	42.698	23.000	

Phụ lục 07: ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2025 NGUỒN THU TIỀN XỔ SỔ KIẾN THIẾT

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Đề xuất điều chỉnh, bổ sung KH đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch năm 2025	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó, số đã giao kế hoạch năm giai đoạn 2021-2024	Giảm (-)	Tăng (+)		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP						
	TỔNG SỐ		-	-	28.000	28.000	-	19.000	19.000	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới				28.000	28.000		19.000	19.000	
1	Huyện Nghi Xuân							9.000	9.000	Hỗ trợ huyện đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao
2	Huyện Hương Khê							10.000	10.000	Hỗ trợ huyện chưa đạt chuẩn NTM

Phụ lục 08: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2025 NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn nước ngoài bổ sung từ NSTW năm 2025			Nhu cầu vốn vay lại tương ứng với kế hoạch vốn được giao	Dự kiến kế hoạch đầu tư nguồn bội chi NSDP năm 2025	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:				
			Vốn cấp phát	Vốn viện trợ không hoàn lại			
	Tổng cộng	749.212	728.362	20.850	313.458	383.200	
I	Vốn vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài năm 2025	749.212	728.362	20.850	313.458	313.458	
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025	593.617	572.767	20.850	213.148	213.148	
1	Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh (vay vốn WB)	167.897	167.897		111.931	111.931	
2	Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh thuộc dự án "Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ"	209.306	198.869	10.437	49.717	49.717	
3	Tiểu dự án "Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hương Khê, huyện Hương Khê" thuộc dự án "Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ"	216.413	206.000	10.413	51.500	51.500	
b	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	155.595	155.595	-	100.310	100.310	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn nước ngoài bổ sung từ NSTW năm 2025			Nhu cầu vốn vay lại tương ứng với kế hoạch vốn được giao	Dự kiến kế hoạch đầu tư nguồn bội chi NSDP năm 2025	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:				
			Vốn cấp phát	Vốn viện trợ không hoàn lại			
1	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh thuộc Dự án BIIG2	155.595	155.595	-	100.310	100.310	
II	Các khoản vay để bù đắp bội chi khác theo nhu cầu thực tế trong năm					69.742	

Phụ lục 09: ĐỀ XUẤT BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2025 CÁC NGUỒN VỐN KHÁC NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Hạn mức KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 còn lại	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung KH đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch năm 2025	Nguồn vốn		
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Nghị quyết; ngày tháng năm ban hành	Tổng số		Trong đó, số đã giao kế hoạch năm giai đoạn 2021-2024	Giảm (-)		Tăng (+)	Theo phê duyệt	Dự kiến PA bố trí năm 2025
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP									
	TỔNG SỐ		83.510	83.510		159.200	26.200	133.000	-	30.000	115.304		
1	Nâng cấp Nhà làm việc và hạng mục phụ trợ Trụ sở làm việc của Thanh tra tỉnh	1448/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	14.895	14.895	130/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	14.895	10.000	4.895			4.895	- Nguồn thu hồi qua công tác thanh tra	Bố trí Dự toán NSNN năm 2025
2	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2023 - 2025	2116/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	48.700	48.700	169/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	48.700	15.200	33.500			33.500	Kinh phí thực hiện Đề án Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2023 - 2025	Bố trí Dự toán NSNN năm 2025
3	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở doanh trại Đồn Biên phòng Sơn Hồng và Trạm Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Cầu Treo	2561/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	19.915	19.915	167/NQ-HĐND ngày 04/5/2024	19.915		19.915			19.915	Ngân sách tỉnh chi cho các nhiệm vụ quốc phòng, biên giới	Bố trí Dự toán NSNN năm 2025
4	Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai, huyện Đức Thọ	167/NQ-HĐND ngày 04/5/2024	9.421	9.421	167/NQ-HĐND ngày 04/5/2024	9.000		9.000			9.000	Nguồn chi cải tạo, nâng cấp tài sản công và các nhiệm vụ đột xuất khác	Bố trí Dự toán NSNN năm 2025
5	Dự kiến bố trí cho các dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư, đang hoàn tất thủ tục quyết định đầu tư					75.690	1.000	74.690	-	18.000	35.994		
-	Nhà làm việc 3 tầng và các hạng mục phụ trợ - Trụ sở Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	141/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	18.494	18.494	NQ 141/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	18.494		18.494			5.994	Nguồn chi cải tạo, nâng cấp tài sản công và các nhiệm vụ đột xuất khác	Bố trí Dự toán NSNN năm 2025
-	Trụ sở làm việc Công an các xã, thị trấn tại các huyện Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Lộc Hà, Can Lộc, Nghi Xuân, Hương Sơn, Hương Khê	192/NQ-HĐND ngày 30/9/2024	103.460	103.460	193/NQ-HĐND ngày 30/9/2024	57.196	1.000	56.196		18.000	30.000	Kinh phí thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	Bố trí Dự toán NSNN năm 2025
6	Bổ sung vốn điều lệ cho các Quỹ Tài chính ngoài ngân sách					-	-	-	-	12.000	12.000		Bố trí Dự toán NSNN năm 2025
-	Quỹ Bảo vệ Môi trường									5.000	5.000	Kinh phí sự nghiệp môi trường	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Hạn mức KH đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 còn lại	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung KH đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch năm 2025	Nguồn vốn	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Nghị quyết; ngày tháng năm ban hành	Tổng số	Trong đó, số đã giao kế hoạch năm giai đoạn 2021-2024		Giảm (-)	Tăng (+)		Theo phê duyệt	Dự kiến PA bố trí năm 2025
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP									
-	Quỹ Hỗ trợ nông dân								2.000	2.000		Kinh phí Quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	
-	Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã								5.000	5.000		Kinh phí thực hiện NQ 56/NQ-HĐND ngày 30/12/2021	

Phụ lục 10: ĐỀ XUẤT BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2025 VỐN THU HỒI ỨNG TRƯỚC CÁC DỰ ÁN TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Số vốn được cấp có thẩm quyền cho phép ứng trước				Số vốn ứng trước còn lại chưa bố trí vốn thu hồi (theo số thực tế giải ngân)	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung KH đầu tư công trung hạn vốn NSĐP giai đoạn 2021-2025		Dự kiến bố trí kế hoạch vốn đề thu hồi ứng trước năm 2025	Ghi chú
			Tổng số vốn ứng trước	Quyết định của cấp thẩm quyền cho phép ứng trước		Số vốn ứng trước giải ngân đến hết thời gian quy định		Giảm (-)	Tăng (+)		
				Số quyết định	Ngày tháng năm						
	TỔNG SỐ		108.431.985.000	1.548	-	102.885.380.546	102.885.380.546	-	88.761.000.000	88.761.000.000	
1	Tiểu dự án bồi thường, GPMB huyện Cẩm Xuyên, công trình Đường ven biển đoạn Thạch Khê - Vũng Áng	7114600	8.000.000.000	1110	05/4/2011	7.732.885.108	7.732.885.108		7.732.885.108	7.732.885.108	
2	Tiểu dự án bồi thường, GPMB huyện Thạch Hà, Đường nối Quốc lộ 1A đi Mỏ sắt Thạch Khê	7011349	9.000.000.000	1110	05/4/2011	8.029.634.338	8.029.634.338		8.029.634.338	8.029.634.338	
3	Khôi phục và nâng cấp cống Khe Trìa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (thuộc Dự án KPKCHQTT tại một số tỉnh miền Trung)	7624526	400.000.000	1193	04/5/2017	400.000.000	400.000.000		400.000.000	400.000.000	
4	Khôi phục, nâng cấp cầu tràn Tân Dừa, cầu tràn Mỹ Thuận, tỉnh Hà Tĩnh (thuộc Dự án KPKCHQTT tại một số tỉnh miền Trung)	7624527	1.018.000.000	1193	04/5/2017	1.017.576.000	1.017.576.000		1.017.576.000	1.017.576.000	
5	Khắc phục, sửa chữa khẩn cấp tràn, cống qua sông 19/5 trên tuyến đê Phúc - Long - Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh (thuộc Dự án KPKCHQTT tại một số tỉnh miền Trung)	7624528	717.424.000	1193	04/5/2017	717.424.000	717.424.000		717.424.000	717.424.000	
6	Trung tâm nghiệp vụ lực lượng An ninh Công an tỉnh Hà Tĩnh	7004692	10.000.000.000	2833	11/9/2013	10.000.000.000	10.000.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000	
7	Đường từ đường vào Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I đến cầu Hòa Lộc và cầu Hòa Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	7215596	12.000.000.000	2183	04/8/2014	7.760.000.000	7.760.000.000		7.760.000.000	7.760.000.000	

STT	Dan h mục dự án	Mã dự án	Số vốn được cấp có thẩm quyền cho phép ứng trước				Số vốn ứng trước còn lại chưa bố trí vốn thu hồi (theo số thực tế giải ngân)	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung KH đầu tư công trung hạn vốn NSĐP giai đoạn 2021-2025		Dự kiến bố trí kế hoạch vốn để thu hồi ứng trước năm 2025	Ghi chú
			Tổng số vốn ứng trước	Quyết định của cấp thẩm quyền cho phép ứng trước		Số vốn ứng trước giải ngân đến hết thời gian quy định		Giảm (-)	Tăng (+)		
				Số quyết định	Ngày tháng năm						
8	Quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư vùng sạt lở hai bờ sông Rào Trỏ xã Kỳ Thượng, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	7332837	9.000.000.000	4452	31/12/2013	8.961.338.300	8.961.338.300		8.961.338.300	8.961.338.300	
9	Nhà liên hợp cửa khẩu quốc tế Cầu Treo kết hợp với Quốc Môn, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	7210797	16.413.000.000	24	7/1/2016	16.413.000.000	16.413.000.000		2.288.619.454	2.288.619.454	
10	Xây dựng hệ thống đường phục vụ sản xuất lâm nghiệp, phát triển rừng và bảo vệ, PCCC rừng tỉnh Hà Tĩnh	7288415	5.000.000.000	3516	18/11/2014	5.000.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000	5.000.000.000	
11	Nắn đóng Hối Trươi xã Sơn Thọ huyện Vũ Quang	7745757	12.000.000.000	3414	12/11/2018	12.000.000.000	12.000.000.000		12.000.000.000	12.000.000.000	
12	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Hà Tĩnh GD 2018-2020	7768841	1.400.000.000	1185	23/04/2019	1.370.072.000	1.370.072.000		1.370.072.000	1.370.072.000	
13	Tu bổ, tôn tạo các di tích gốc và xây dựng cơ sở hạ tầng Khu di tích quốc gia đặc biệt Đại thi hào Nguyễn Du, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 1)	7632186	1.000.000.000	1732	23/6/2017	1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000	
14	Trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh, tỉnh Hà Tĩnh	7249085	2.000.000.000	2572	01/9/2010	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000	
15	Hệ thống tách nước, phân lũ cho khu kinh tế Vũng Áng, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	7087249	4.867.290.000	339	22/01/2020	4.867.179.800	4.867.179.800		4.867.179.800	4.867.179.800	
16	Bồi thường dự án Nuôi tôm công nghiệp tại phường Kỳ Trinh của Công ty TNHH Trường Phú - Cấp lệnh chi tiền qua phòng ngân sách		12.616.271.000	1864	21/6/2018	12.616.271.000	12.616.271.000		12.616.271.000	12.616.271.000	
17	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp, dịch vụ phụ trợ phía Tây Nam đường tránh quốc lộ 1A Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh, tỷ lệ 1/2000		3.000.000.000	3391	28/8/2015	3.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000	